

Nền kinh tế Việt Nam ngày càng hòa nhập với thị trường thế giới, vì vậy việc xây dựng chiến lược phát triển và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp Việt Nam và đối với từng mặt hàng là thách thức lớn nhất của chúng ta trong quá trình hội nhập quốc tế. Đặc biệt đối với các làng nghề hiện nay bao gồm làng nghề truyền thống và làng nghề mới, trong đó làng nghề truyền thống có giá trị lớn nhưng một số cũng bị mai một nhiều. Tuy nhiên từ năm 1993 trở lại đây, sau khi có Nghị quyết Trung ương 5 khóa VII, nhiều làng nghề được khôi phục và phát triển nhanh, góp một lượng hàng hóa ngày càng lớn và phong phú cho thị trường, kể cả xuất khẩu. Một trong những ngành nghề nổi tiếng đó là ngành sản xuất và chế tác nữ trang bởi vì nữ trang là sản phẩm không thể thiếu được trong cuộc sống làm đẹp của con người, nó làm đẹp không chỉ cho bản thân mà còn cho phố phường làng xã và tạo thành bản sắc dân tộc. Những bộ đồ trang sức của người Việt cổ đã thể hiện được khía cạnh thẩm mỹ thanh cao và cũng rất đời thường của hàng ngàn năm về trước, khi con người còn sử dụng 12 chất liệu trong đời sống hàng ngày và trong việc làm đẹp như: đất đá, tre, gỗ, xương, sừng, xà cừ, trai, sò ốc, vàng ngọc....

Thời kỳ nguyên thủy

Ngày thời kỳ nguyên thủy ở nước

ta, việc xác định được chính xác thời kỳ nào người Việt cổ đã dùng đồ trang sức và chế tác chúng là câu hỏi còn bỏ ngỏ, nhưng các nhà khảo cổ học bằng những chứng cứ hiện có và bằng những suy luận, so sánh thì có thể hình dung được đó là vào thời đại đồ đá cũ, những người nguyên thủy ở nước ta đã biết đến việc dùng đồ trang sức để làm đẹp.

đây khoảng 7.000 năm - 11.000 năm) ở Việt Nam đã tìm được những đồ trang sức thật sự đầu tiên của người nguyên thủy. Ngoài các công cụ dùng để sử dụng còn có các đồ trang sức như: một mảnh xương có lỗ xuyên dây, răng nanh động vật nó có hai chức năng vừa có thể xuyên dùng để đeo cổ như một loại bùa vừa để trang sức vừa mang

SỰ PHÁT TRIỂN NGHỀ TRANG SỨC VIỆT NAM

Thạc sĩ LÊ VĂN HOA

Ngoài một loạt chứng cứ rất sớm đó là lúc xuất hiện tại Việt Nam từ các công cụ bằng đá thô sơ trong núi như: rìu tay, công cụ chặt hình rìu, mảnh tước và hạch đá... Tuy không tìm thấy chứng tích của việc dùng đồ trang sức nhưng cũng với thời đại đó trên thế giới đã có nhiều nơi tìm được chứng tích để khẳng định rằng người cổ bấy giờ đã biết dùng đồ trang sức.

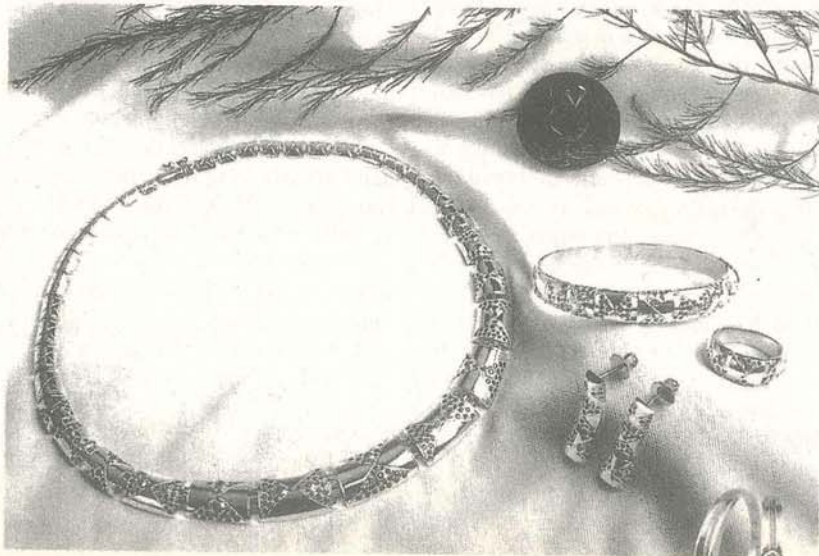
Vào thời kỳ đầu "Thời đại đồ đá mới" trong nền văn hoá Hòa Bình (cái nôi của nền văn hoá này nằm ở miền Bắc Việt Nam và sự phân bố trải rộng khắp Đông Nam Á có niên đại cách

tính ma thuật, ngoài ra còn có các vòng đeo cổ bằng vỏ ốc biển, vòng đá được làm bằng đá màu xanh...

Có thể nói, những đồ trang sức đầu tiên nổi trên tìm được ở nước ta là thuộc vào những người nguyên thủy từ thời đồ đá cũ đến hậu kỳ đồ đá mới. Mặc dù có một quãng thời gian dài như vậy nhưng đồ trang sức tìm thấy được không có được là bao, nhưng ý nghĩa quan trọng của chúng là ở chỗ khẳng định người nguyên thủy Việt Nam đã biết chế tác và đeo đồ trang sức vào loại sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á.

Vào thời đại đồng thau - rất sớm, khi con người đã tạm đủ ăn hàng ngày thì lại càng chú ý đến vẻ đẹp của mình và vẻ đẹp xung quanh hơn. Chính vì thế các ngành nghề thuật phát triển mạnh, sự phân công lao động đã giúp cho xã hội có sự phân hóa rõ nét là có một bộ phận lao động tách khỏi nông nghiệp để chuyển sang sản xuất đồ đá, đúc đồng, trong số đó có những người chỉ chuyên sản xuất đồ trang sức hay sản xuất đồ trang sức vào những lúc nông nhàn. Đó là các đồ trang sức có chất liệu từ nhiều loại đá, đất nung, vỏ các loại nhuyễn thể đến thủy tinh và đồng sắt... cụ thể như: các vòng đá làm từ đá nephrite, spilite, amphibolite... Mặt khác do người xưa cảm nhận cái đẹp bằng các vòng trang sức có hình dáng vòng nhiều hơn xét đến chất liệu làm ra chúng, chính vì vậy, hình dáng vòng hết sức đa dạng.

Khi nghề chế tác đồ trang sức bằng đá ở thời kỳ cực thịnh xã hội người Việt cổ đã có sự phân công lao



động, đây là một bước tiến quan trọng trong sản xuất kỹ thuật thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp. Có thể hình dung được diện mạo các ngành kinh tế bấy giờ: đa số là các làng thuần nông, một số ít làng lại lấy nghề gia công chế tác đồ đá nhất là đồ trang sức làm phương tiện kiếm sống và họ đã thực hiện việc trao đổi qua lại giữa các loại nông sản như: thóc gạo để lấy sản phẩm vòng trang sức của một số ít làng chuyên sản xuất đồ trang sức chuyên môn hóa cao. Ngoài ra còn có một số người kiêm việc chế tác sửa chữa đồ trang sức bằng đá với quy mô nhỏ bé ở ngay trong làng. Các chất liệu cơ bản mà người xưa thích dùng là (đá ngọc, thủy tinh, và đồng thau), ngoài ra họ còn biết đến cách làm tôn thêm vẻ đẹp của chính mình bằng những chất liệu bình thường xung quanh như đất nung, vỏ ốc, xương, sừng, lông chim... Trước Công nguyên, người Việt cổ không dùng vàng làm đồ trang sức, chỉ sau Công nguyên vài thế kỷ, các nhà khảo cổ mới tìm thấy đồ trang sức bằng vàng ở các nền văn minh Chăm Pa, Óc Eo...

Đến thế kỷ 15

Đến đầu thế kỷ 15 khi ngành luyện kim ở nước ta phát triển thì nghề đúc bạc bước vào giai đoạn mới: đó là ba trung tâm có nghề chế tác vàng bạc phát triển tại ba vùng quê cách xa nhau ở đồng bằng sông Hồng: Định Công (Hà Nội) Đồng Sâm (Thái Bình) và Châu Khê (Hải Dương). Những nơi này là cơ sở phục vụ vàng bạc sớm nhất nước ta, sau đó một số thợ ở ba làng này tìm đến nhiều thành thị trên cả nước trong đó có Thăng Long để lập kế sinh nhai và quy tụ thành phường. Đến thời Lê Thánh Tông (1460- 1497) đã có xưởng đúc bạc nén tại kinh thành. Nghề kim hoàn Đàng Trong cũng phát triển mạnh mẽ với cái nôi là làng Kế Môn, các vị tổ nghề là người thuộc gốc Thanh Hóa, một số người thuộc làng Đức Thọ (Hà Tĩnh) vào đây khai khẩn đất đai để sinh sống khá sớm, đến cuối đời Nguyễn Phúc Khoát nghề kim hoàn mới bắt đầu phát triển mạnh. Đến đời Tây Sơn 1790, vua Quang Trung đã lập nên cơ sở "Ngành ngân tượng" để chế tác kim hoàn. Đầu thế kỷ 19 Gia Long lập kinh đô ở Thuận Hóa, nghề đúc bạc cũng chuyển theo. Sau hơn 30 năm làm thợ dạy nghề các vị tổ sư đã đào tạo và truyền lại cho Phú Xuân một đội ngũ thợ kim hoàn

giỏi lên tới hàng ngàn người. Họ đã khẳng định tay nghề của chính họ bằng việc đúc lên những chữ vàng trước cửa Ngõ môn Huế, những Hoàng phi bửu tán... Ngoài ra họ còn họ còn làm cả kim sách, ngân sách... mặc dù công việc của họ là làm thủ công. Tuy nhiên một phần lớn người Châu Khê vẫn ở lại Hà Nội làm nghề của mình, họ không theo vua Gia Long. Họ lập thành phố Hàng Bạc, và đầu thế kỷ 20 còn có tên gọi là phố Đồi Bạc. Thợ Châu Khê tổ chức theo phường theo mô hình làng, xã lập thành 5 giáp xây dựng và dựng thờ đăm tể lễ Thành Hoàng và tổ sư. Hàng năm những người thợ kim hoàn lấy ngày 7.2 âm lịch là ngày giỗ tổ nghề chính thức, họ tổ chức lễ để gặp mặt trao đổi và tìm cách duy trì và phát triển nghề chế tác vàng bạc.

Cùng với những thăng trầm của lịch sử dân tộc, làng nghề kim hoàn cũng có những thay đổi nhưng phải khẳng định rằng các thế hệ thợ kim hoàn đã duy trì và phát triển được nghề kim hoàn làm cho nghề này ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn trước.

Tình hình hiện nay

Tuy nhiên tình hình sản xuất của nhiều đơn vị ngành nữ trang hiện vẫn còn manh mún, được đâu hay đấy và mang tính gia truyền không phổ biến. Đến nay tuy chưa có thống kê đầy đủ về đội ngũ thợ kim hoàn nhưng nếu cứ tính theo số thợ của Tổng công ty vàng bạc đá quý Việt Nam (349) và có khoảng 6.000 doanh nghiệp tư nhân thì con số phải lên đến cả vạn người, trong đó phần lớn thợ này là thợ trẻ. Họ có khát vọng lớn về nghề nghiệp để phát triển, có nhu cầu được đào tạo bài bản, có nhu cầu được đánh giá đúng giá trị sản phẩm làm ra và điều quan trọng là tiêu thụ được sản phẩm. Để làm được điều đó chúng ta phải có thị trường rộng và ổn định. Tuy nhiên hiện nay nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu có gia tăng nhưng để tiếp cận nắm bắt được thị hiếu của từng thị trường, tìm được đối tác kinh doanh, xây dựng được mối quan hệ lâu dài và ổn định lại là công việc khá khó khăn đối với nhiều doanh nghiệp trong ngành. Chi phí cho khâu xúc tiến thương mại rất tốn kém nên các đơn vị sản xuất e ngại. Từ đó không chủ động được đầu ra cho sản phẩm mà mới chỉ là đơn đặt hàng trực tiếp của các doanh

nh nghiệp nước ngoài hoặc qua khâu trung gian là các đơn vị xuất nhập khẩu lớn nên đơn đặt hàng còn rất thấp. Dù vậy so với nhiều nước trong khu vực giá thành sản phẩm của nước ta vẫn cao hơn. Nguyên nhân là do các đơn vị phải mua nguyên liệu trên thị trường trôi nổi và thuế nhập khẩu vàng nguyên liệu còn cao khi so với giá vàng thế giới. Mặt khác các doanh nghiệp chưa tận dụng các máy móc, trang thiết bị để giảm bớt một số công đoạn không cần thiết trong sản xuất để giảm hao hụt trong sản xuất... Một nghịch lý khác nữa là khi có đơn đặt hàng lớn cho doanh nghiệp thì chúng ta lại không có đủ khả năng để đáp ứng theo đơn đặt hàng.

Trong khi đó thì nhu cầu tiềm năng xuất khẩu thợ kim hoàn của chúng ta là rất lớn, các thị trường như Mỹ, Nhật, Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất có nhu cầu rất đa dạng về thị trường lao động ngành này vì tính cần cù, sáng tạo và khéo léo của người lao động đặc biệt là trong việc sản xuất hàng trang sức theo phương pháp truyền thống. Nếu chúng ta có định hướng đúng thì đây là hướng tạo thu nhập cho ngân sách nhà nước cho cá nhân người lao động và giải quyết được công việc cho nguồn lao động dồi dào này.

Vậy để duy trì và phát triển trên nền tảng đó trong cơ chế thị trường hiện nay và trong tương lai thì:

Thứ nhất, mỗi người nghệ nhân, mỗi nhà quản lý, lãnh đạo kinh tế văn hóa đất nước phải dốc sức tìm tòi và sáng tạo phong phú, đa dạng hơn nữa một nền văn hoá trang sức mang đặc thù bản sắc dân tộc Việt Nam, tạo nên một sự hấp dẫn lôi cuốn với thị trường trong nước và nước ngoài.

Thứ hai, để phát huy hết ưu thế, năng lực của làng nghề truyền thống còn có một số yếu tố quan trọng khác và chính yếu. Đó là cần phải có một chủ trương lớn đủ để khôi phục và phát triển khu vực sản xuất ngành nghề truyền thống; tìm kiếm thị trường và hỗ trợ tiêu thụ (nhất là xuất khẩu) hàng truyền thống; ưu tiên đúng mức cho việc phát triển các cơ sở nghề truyền thống (mặt bằng, điện, nước...); và khuyến khích cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất hàng truyền thống ■